

# Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



# Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 48

001  
CỔ  
CÔNG  
HẠN  
CÔNG  
TY  
CÁO  
SU  
SAO  
VÀNG  
7-7

# Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng ("Công ty"), trước đây là một doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 3 tháng 4 năm 2006, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2023.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ bao gồm:

- ▶ Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cao su;
- ▶ Mua bán phụ tùng ô tô;
- ▶ Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- ▶ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su.

Công ty có trụ sở chính tại số 231 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam và các chi nhánh phụ thuộc sau:

<i>Chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình	Đường Trần Thủ Độ, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Đà Nẵng	Quốc lộ 1A, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 63 đường Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hoành Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Sơn	Thành viên
Ông Lương Xuân Hoàng	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Nguyễn Trung Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát
Hoàng Văn Hòa	Thành viên
Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

# Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Phạm Hoàng Sơn – Chủ tịch.

Ông Nguyễn Việt Hùng, Tổng Giám đốc, được Ông Phạm Hoàng Sơn, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 60/UQ-SRC-HĐQT ngày 07 tháng 6 năm 2024.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Việt Hùng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

TY  
HUU  
CO  
PHAN  
CAO  
SU  
SAO  
VANG

Số tham chiếu: 13666732/68382735-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (“Công ty”) được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 11 tháng 8 năm 2023. Ngoài ra, báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 28 tháng 2 năm 2024.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Tỉnh Xuân Hòa  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>493.316.267.035</b>	<b>631.102.917.710</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>28.497.231.533</b>	<b>33.058.394.306</b>
111	1. Tiền		18.497.231.533	17.058.394.306
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	16.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	5.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>258.113.285.326</b>	<b>366.121.650.273</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	264.256.350.137	367.869.103.286
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	653.118.593	5.270.304.058
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.313.299.560	4.022.930.770
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7	(12.109.482.964)	(11.040.687.841)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>199.252.085.903</b>	<b>228.529.873.594</b>
141	1. Hàng tồn kho		201.650.646.063	230.978.322.874
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.398.560.160)	(2.448.449.280)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.453.664.273</b>	<b>3.392.999.537</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	2.237.176.368	2.935.346.968
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	212.641.823	443.433.867
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	3.846.082	14.218.702
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>664.017.619.874</b>	<b>715.736.741.314</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>98.433.484.950</b>	<b>6.514.752.134</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	98.433.484.950	6.514.752.134
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>48.391.104.186</b>	<b>52.200.604.080</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	33.724.763.160	36.336.226.300
222	Nguyên giá		680.985.924.189	679.751.392.641
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(647.261.161.029)	(643.415.166.341)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	11.262.755.654	12.455.058.958
225	Nguyên giá		16.850.424.239	16.850.424.239
226	Giá trị khấu lũy kế		(5.587.668.585)	(4.395.365.281)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	3.403.585.372	3.409.318.822
228	Nguyên giá		3.615.723.022	3.615.723.022
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(212.137.650)	(206.404.200)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>4.217.232.757</b>	<b>2.059.374.605</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	4.217.232.757	2.059.374.605
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>510.629.282.424</b>	<b>510.534.576.085</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		505.000.000.000	505.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.444.062.358	8.444.062.358
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.814.779.934)	(2.909.486.273)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.346.515.557</b>	<b>144.427.434.410</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.346.515.557	144.427.434.410
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.157.333.886.909</b>	<b>1.346.839.659.024</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>616.677.044.248</b>	<b>903.490.135.850</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>464.311.505.256</b>	<b>621.088.346.362</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	190.579.169.799	93.545.658.963
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	48.672.196.824	73.414.693.793
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.126.854.438	1.592.991.566
314	4. Phải trả người lao động		21.125.758.643	24.944.101.217
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	4.874.978.600	782.441.049
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		12.272.727	29.945.455
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	22.623.001.583	83.885.588.221
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	164.610.243.441	338.394.314.772
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	767.301.113	771.070.808
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	4.919.728.088	3.727.540.518
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>152.365.538.992</b>	<b>282.401.789.488</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	143.500.000.000	143.500.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	2.631.083.869	132.667.334.365
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		6.234.455.123	6.234.455.123
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>540.656.842.661</b>	<b>443.349.523.174</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23</b>	<b>540.656.842.661</b>	<b>443.349.523.174</b>
411	1. Vốn cổ phần		280.657.650.000	280.657.650.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		280.657.650.000	280.657.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.605	3.605
415	3. Cổ phiếu quỹ		(23.970.000)	(23.970.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		116.834.693.289	108.014.502.579
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		143.188.465.767	54.701.336.990
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		25.946.411.910	25.300.701.289
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay		117.242.053.857	29.400.635.701
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.157.333.886.909</b>	<b>1.346.839.659.024</b>

Người lập  
Trần Ngân Hà

Kế toán trưởng  
Trần Minh Tuấn



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Việt Hùng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	517.078.107.937	492.280.945.761
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(13.940.785.316)	(14.961.629.540)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	503.137.322.621	477.319.316.221
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(425.985.614.398)	(408.657.117.207)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		77.151.708.223	68.662.199.014
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	1.714.193.222	744.577.949
22	7. Chi phí tài chính	27	(10.190.272.592)	(10.537.434.915)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(7.717.440.420)	(8.687.032.936)
25	8. Chi phí bán hàng	28	(17.178.484.449)	(15.398.137.122)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(31.518.616.789)	(31.236.490.289)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.978.527.615	12.234.714.637
31	11. Thu nhập khác	29	306.003.872.355	1.392.447.651
32	12. Chi phí khác	29	(143.781.125.817)	(11.886.280)
40	13. Lợi nhuận khác	29	162.222.746.538	1.380.561.371
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		182.201.274.153	13.615.276.008
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(64.959.220.296)	(3.405.555.886)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		117.242.053.857	10.209.720.122
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	4.178	325
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	34	4.178	325

Người lập  
Trần Ngân Hà

Kế toán trưởng  
Trần Minh Tuấn



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Việt Hùng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>182.201.274.153</b>	<b>13.615.276.008</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình		5.044.031.442	5.722.167.097
03	Các khoản trích lập dự phòng		920.429.969	41.249.757
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(334.675.535)	(19.065.183)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(161.067.121.452)	(183.743.093)
06	Chi phí lãi vay	27	7.717.440.420	8.687.032.936
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>34.481.378.997</b>	<b>27.862.917.522</b>
09	Giảm các khoản phải thu		17.977.578.237	19.715.719.176
10	Giảm hàng tồn kho		29.327.676.811	69.464.493.701
11	Tăng các khoản phải trả		(3.923.571.001)	(74.060.591.511)
12	Giảm chi phí trả trước		2.069.807.883	2.072.724.908
14	Tiền lãi vay đã trả		(7.819.240.420)	(8.739.824.936)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(62.693.996.629)	(21.596.811)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.704.526.000)	(3.808.292.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>7.715.107.878</b>	<b>32.485.550.049</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(3.143.053.006)	(686.723.963)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		300.799.569.173	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.000.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay		499.725.873	315.872.935
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>293.156.242.040</b>	<b>(370.851.028)</b>

06  
 CH  
 NS  
 V  
 7-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		290.010.359.493	233.840.827.471
34	Tiền trả nợ gốc vay		(594.117.874.112)	(261.441.748.706)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(1.319.473.496)	(1.334.085.720)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		<b>(305.426.988.115)</b>	<b>(28.935.006.955)</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		<b>(4.555.638.197)</b>	<b>3.179.692.066</b>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		<b>33.058.394.306</b>	<b>36.390.500.867</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.524.576)	8.569.758
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	<b>28.497.231.533</b>	<b>39.578.762.691</b>

Người lập  
Trần Ngân Hà

Kế toán trưởng  
Trần Minh Tuấn



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Việt Hùng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (“Công ty”), trước đây là một doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 3 tháng 4 năm 2006, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2023.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ bao gồm:

- ▶ Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cao su;
- ▶ Mua bán phụ tùng ô tô;
- ▶ Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- ▶ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su.

Công ty có trụ sở chính tại số 231 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam và các chi nhánh phụ thuộc sau:

<i>Chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình	Đường Trần Thủ Độ, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Đà Nẵng	Quốc lộ 1A, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 63 đường Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 755 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 767 người).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành kèm theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa Công ty và được các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước phê duyệt.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm
Quyền sử dụng đất lâu dài	không khấu hao

#### 3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

#### 3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.10 *Các khoản đầu tư*

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Dự phòng bảo hành

Công ty ghi nhận dự phòng bảo hành cho các sản phẩm bán trong kỳ khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.19 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm, hàng hóa được bán hoặc dịch vụ được cung cấp. Ban Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo khu vực địa lý mà sản phẩm và hàng hóa được cung cấp cho khách hàng.

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Tiền mặt	850.476.591	448.093.355
Tiền gửi ngân hàng	17.646.754.942	16.610.300.951
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	16.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>28.497.231.533</b>	<b>33.058.394.306</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng, có kỳ hạn gốc 1 tháng và hưởng lãi suất từ 2,25 – 2,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3,15 – 3,4%/năm).

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đây là khoản tiền gửi tại ngân hàng, có kỳ hạn gốc 4 tháng và hưởng lãi suất là 3,8%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải thu từ khách hàng	180.547.719.507	367.743.975.756
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Nam	45.188.405.808	256.777.464.990
- Các khoản phải thu khách hàng khác	135.359.313.699	110.966.510.766
Phải thu từ các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 32</i> )	<u>83.708.630.630</u>	<u>125.127.530</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>264.256.350.137</u></b>	<b><u>367.869.103.286</u></b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(9.142.504.289)	(8.073.709.166)

Công ty đã thế chấp 50% quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế với các bên có nghĩa vụ thanh toán với Công ty để đảm bảo cho các khoản vay như trình bày ở Thuyết minh số 20.

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật & Đầu tư Xây dựng ACOCI	270.000.000	270.000.000
Công ty TNHH Tư vấn & Xây dựng MT Nhật Minh	134.951.600	-
Công ty TNHH Nam Tiến	-	4.252.008.800
Các khoản trả trước khác	<u>248.166.993</u>	<u>748.295.258</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>653.118.593</u></b>	<b><u>5.270.304.058</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu khoản ứng vốn cho Công ty Cổ phần Philips Carbon	2.966.978.675	(2.966.978.675)	2.966.978.675	(2.966.978.675)
Tạm ứng cho nhân viên	830.000.000	-	-	-
Phải thu lãi tiền gửi	711.890.459	-	234.782.483	-
Phải thu ngắn hạn khác	804.430.426	-	821.169.612	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.313.299.560</b>	<b>(2.966.978.675)</b>	<b>4.022.930.770</b>	<b>(2.966.978.675)</b>
<b>Dài hạn</b>				
Cầm cổ dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	97.338.492.816	-	5.496.760.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn khác	1.094.992.134	-	1.017.992.134	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>98.433.484.950</b>	<b>-</b>	<b>6.514.752.134</b>	<b>-</b>

(i) Đây là giá trị tài sản cầm cố cho và để đảm bảo cho các nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng cung cấp tín dụng bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Tài sản cầm cố bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng này với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất là 2,9% – 4,2%/năm, và được tự động gia hạn theo thời hạn cấp tín dụng của ngân hàng.

8. NỢ XẤU

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty Cổ phần Ô tô TMT – Chi nhánh Hưng Yên	6.082.953.829	1.895.578.333	8.282.945.970	4.095.570.475
Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam	2.966.978.675	-	2.966.978.675	-
Nguyễn Thị Hương	2.208.428.046	-	2.208.428.046	-
Các khách hàng khác	2.746.700.747	-	1.813.966.383	136.060.758
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.005.061.297</b>	<b>1.895.578.333</b>	<b>15.272.319.074</b>	<b>4.231.631.233</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng đang đi trên đường	4.083.507.792	-	2.069.807.040	-
Nguyên liệu, vật liệu	94.239.085.237	-	108.921.995.513	-
Công cụ, dụng cụ	2.835.432.754	-	3.159.984.288	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.114.820.996	-	8.513.109.503	-
Thành phẩm	90.811.141.417	(2.393.449.690)	105.762.739.980	(2.400.213.045)
Hàng hóa	9.861.748	-	108.296.466	-
Hàng gửi đi bán	1.556.796.119	(5.110.470)	2.442.390.084	(48.236.235)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>201.650.646.063</b>	<b>(2.398.560.160)</b>	<b>230.978.322.874</b>	<b>(2.448.449.280)</b>

Công ty đã sử dụng hàng tồn kho luân chuyển tại Chi nhánh Thái Bình làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng như trình bày ở Thuyết minh số 20.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	2.448.449.280	4.157.372.617
Cộng: Trích lập dự phòng	988.641.374	2.317.355.329
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.038.530.494)	(2.338.038.066)
Số cuối kỳ	<u>2.398.560.160</u>	<u>4.136.689.880</u>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Bảo hiểm cháy nổ	542.833.499	279.801.309
Chi phí thuê biển quảng cáo	1.077.736.332	535.662.400
Chi phí LC	521.066.120	2.010.293.259
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	95.540.417	109.590.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.237.176.368</b>	<b>2.935.346.968</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.346.515.557	3.356.897.840
Tiền thuê đất trả trước ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	-	141.070.536.570
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.346.515.557</b>	<b>144.427.434.410</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	115.917.044.294	510.323.910.958	52.723.989.482	786.447.907	679.751.392.641
- Mua mới trong năm	-	808.355.252	-	-	808.355.252
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	426.176.296	-	-	-	426.176.296
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	116.343.220.590	511.132.266.210	52.723.989.482	786.447.907	680.985.924.189
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	84.416.682.447	477.744.302.179	39.199.355.189	786.447.907	602.146.787.722
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	99.171.679.930	502.279.081.098	41.177.957.406	786.447.907	643.415.166.341
- Khấu hao trong kỳ	1.030.397.060	2.037.634.434	777.963.194	-	3.845.994.688
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	100.202.076.990	504.316.715.532	41.955.920.600	786.447.907	647.261.161.029
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	16.745.364.364	8.044.829.860	11.546.032.076	-	36.336.226.300
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	16.141.143.600	6.815.550.678	10.768.068.882	-	33.724.763.160

Công ty đã thế chấp một số máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 vào khoảng 2,2 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2,9 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản vay như trình bày ở Thuyết minh số 20. Công ty cũng đã sử dụng một phần nhà cửa vật kiến trúc với giá trị còn lại là 0 VND cho bên thứ 3 thuê sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: VND*

*Máy móc, thiết bị*

**Nguyên giá:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 16.850.424.239

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 16.850.424.239

**Giá trị khấu hao lũy kế:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 4.395.365.281

- Khấu hao trong kỳ 1.192.303.304

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 5.587.668.585

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 12.455.058.958

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 11.262.755.654

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>3.042.378.022</u>	<u>573.345.000</u>	<u>3.615.723.022</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>3.042.378.022</u>	<u>573.345.000</u>	<u>3.615.723.022</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	206.404.200	206.404.200
- Hao mòn trong kỳ	-	<u>5.733.450</u>	<u>5.733.450</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	<u>212.137.650</u>	<u>212.137.650</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>3.042.378.022</u>	<u>366.940.800</u>	<u>3.409.318.822</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>3.042.378.022</u>	<u>361.207.350</u>	<u>3.403.585.372</u>

Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản vô hình để đảm bảo cho các khoản vay như trình bày ở Thuyết minh số 20.

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Mua sắm máy móc, thiết bị	2.151.623.893	-
Xây dựng nhà kho, mở rộng nhà máy sản xuất tại Xuân Hòa	1.656.758.754	1.504.049.495
Khác	<u>408.850.110</u>	<u>555.325.110</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>4.217.232.757</b></u>	<u><b>2.059.374.605</b></u>

# Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc		Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 15.1)						
Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoành Sơn	375.000.000.000	(19.782.293)	(*) 375.000.000.000	375.000.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn	130.000.000.000	(1.482.099.220)	(*) 130.000.000.000	130.000.000.000	(980.089.245)	(*)
	<b>505.000.000.000</b>	<b>(1.501.881.513)</b>		<b>505.000.000.000</b>	<b>(980.089.245)</b>	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh 15.2)						
Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam	8.444.062.358	(1.312.898.421)	(*) 8.444.062.358	8.444.062.358	(1.929.397.028)	(*)
	<b>8.444.062.358</b>	<b>(1.312.898.421)</b>		<b>8.444.062.358</b>	<b>(1.929.397.028)</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>513.444.062.358</b>	<b>(2.814.779.934)</b>		<b>513.444.062.358</b>	<b>(2.909.486.273)</b>	

(\*) Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

## Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 15.1 Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoàng Sơn	Khu hành chính dịch vụ - Khu Công nghiệp và cảng biển Vũng Áng, xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Sản xuất sắt, lớp cao su	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 12 năm 2023	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 12 năm 2023
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn (Thuyết minh số 19)	Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Điện mặt trời áp mái	30.6% 30.6%	30.6% 30.6%
			26.0% 26.0%	26.0% 26.0%

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 96/BB-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã giao Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo triển khai xây dựng lộ trình, kế hoạch thoái phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn trên cơ sở theo đúng các quy định của pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa hoàn thành việc thực hiện xây dựng lộ trình, kế hoạch thoái vốn tại công ty này.

#### 15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam	Lô đất số 4, Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất than cốc	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 12 năm 2023	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 12 năm 2023
			7.0% 7.0%	7.0% 7.0%

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục giải thể doanh nghiệp và trả lại tiền vốn góp cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**16.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên khác	189.919.197.072	189.919.197.072	92.885.686.236	92.885.686.236
- Công ty TNHH Ô tô SAIC Hongyan	72.684.658.200	72.684.658.200	15.949.494.000	15.949.494.000
- Công ty TNHH Liuzhou Chenglong Special Purpose Vehicle	24.199.350.000	24.199.350.000	-	-
- Phải trả đối tượng khác	93.035.188.872	93.035.188.872	76.936.192.236	76.936.192.236
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	659.972.727	659.972.727	659.972.727	659.972.727
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>190.579.169.799</b>	<b>190.579.169.799</b>	<b>93.545.658.963</b>	<b>93.545.658.963</b>

**16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Người mua trả tiền trước	10.484.073.483	8.858.981.197
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 32)	38.188.123.341	64.555.712.596
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.672.196.824</b>	<b>73.414.693.793</b>

## Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng - CTCP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHẤU TRỪ, PHẢI NỢP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Số phát sinh trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Đơn vị tính: VND
	Số phải thu/khấu trừ	Số phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số phải thu/khấu trừ	Số phải nộp			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.064.583.721	64.959.220.296	(62.693.996.629)	-	-	-	3.329.807.388	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	7.212.201.902	(5.613.594.175)	-	-	-	1.598.607.727	
Thuế giá trị gia tăng	457.652.569	481.991.930	34.649.924.504	(33.728.498.920)	216.487.905	216.487.905	-	1.162.252.850	
Thuế thu nhập cá nhân	-	46.415.915	382.276.262	(392.505.704)	-	-	-	36.186.473	
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	7.359.296.174	(7.359.296.174)	-	-	-	-	
Các loại thuế khác	-	-	183.241.320	(183.241.320)	-	-	-	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>457.652.569</b>	<b>1.592.991.566</b>	<b>114.746.160.458</b>	<b>(109.971.132.922)</b>	<b>216.487.905</b>	<b>216.487.905</b>	<b>6.126.854.438</b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Chi phí vận chuyển	3.213.986.552	-
Chi phí phụ cấp độc hại và cơm công nghiệp	845.474.244	231.559.094
Chi phí phải trả khác	815.517.804	550.881.955
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.874.978.600</u></b>	<b><u>782.441.049</u></b>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả thư tín dụng nhập khẩu	-	78.303.636.360
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 32)	17.913.038.418	1.075.017.618
Nhận ký quỹ, ký cược	3.255.964.555	3.255.964.555
Bảo hiểm xã hội	447.410.418	530.765.666
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.006.588.192	720.204.022
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>22.623.001.583</u></b>	<b><u>83.885.588.221</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư (i) (Thuyết minh số 32)	143.500.000.000	143.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>143.500.000.000</u></b>	<b><u>143.500.000.000</u></b>

- (i) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15 tháng 6 năm 2016 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn, các bên đã đồng ý thành lập Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàn Sơn để thực hiện dự án “Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoàn Sơn” tại số 231, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội. Cũng theo hợp đồng này, Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn sẽ chi trả và hỗ trợ Công ty các khoản kinh phí liên quan đến việc di dời nhà máy tại địa chỉ 231, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội và đầu tư vào nhà máy mới với tổng số tiền là 435 tỷ VND và Công ty đã nhận được khoản kinh phí đợt 1 và đợt 2 với tổng số tiền là 143,5 tỷ VND từ Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn. Tuy nhiên, tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa hoàn thành việc xây dựng kế hoạch liên quan đến việc di dời nhà máy tại 231 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân cũng như việc đầu tư xây dựng nhà máy mới.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đang xây dựng lộ trình, kế hoạch thoái phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàn Sơn theo đúng các quy định của pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư và theo đó, sẽ thực hiện thanh quyết toán các khoản kinh phí nhận được từ Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn.

Công ty cũng đã thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên để đảm bảo cho các khoản vay như trình bày ở Thuyết minh số 20.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Số phát sinh trong kỳ			Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị		
	Giá trị							
<b>Vay ngắn hạn</b>								
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	335.808.837.780	335.808.837.780	290.010.359.493	(464.117.874.112)	2.623.288	161.703.946.449	161.703.946.449	
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.2)	2.585.476.992	2.585.476.992	1.640.293.496	(1.319.473.496)	-	2.906.296.992	2.906.296.992	
	<b>338.394.314.772</b>	<b>338.394.314.772</b>	<b>291.650.652.989</b>	<b>(465.437.347.608)</b>	<b>2.623.288</b>	<b>164.610.243.441</b>	<b>164.610.243.441</b>	
<b>Vay dài hạn</b>								
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 20.2)	2.667.334.365	2.667.334.365	2.138.724.000	(2.174.974.496)	-	2.631.083.869	2.631.083.869	
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 30)	130.000.000.000	130.000.000.000	-	(130.000.000.000)	-	-	-	
	<b>132.667.334.365</b>	<b>132.667.334.365</b>	<b>2.138.724.000</b>	<b>(132.174.974.496)</b>	<b>-</b>	<b>2.631.083.869</b>	<b>2.631.083.869</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>471.061.649.137</b>	<b>471.061.649.137</b>	<b>293.789.376.989</b>	<b>(597.612.322.104)</b>	<b>2.623.288</b>	<b>167.241.327.310</b>	<b>167.241.327.310</b>	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đống Đa	31.955.342.216	-	Gốc vay được trả theo từng khế ước nhận nợ, với khoản vay cuối cùng đáo hạn ngày 25 tháng 12 năm 2024. Lãi vay được trả hàng tháng.	7,0%/năm	- 50% quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế với các bên có nghĩa vụ thanh toán với Công ty; - Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn - Một số máy móc, thiết bị; và - Quyền sử dụng đất tại xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phúc Yên	11.614.768.272	456.017,6	Gốc vay được trả theo từng khế ước nhận nợ, với khoản vay cuối cùng đáo hạn ngày 25 tháng 12 năm 2024. Lãi vay được trả hàng tháng.	5,15% - 5,3%/năm	Hàng tồn kho luân chuyển và một số máy móc tại Chi nhánh Thái Bình
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	29.000.945.505	-	Gốc vay được trả theo từng khế ước nhận nợ, với khoản vay cuối cùng đáo hạn ngày 12 tháng 10 năm 2024. Lãi vay được trả hàng tháng.	7,0%/năm	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	89.132.890.456	-	Gốc vay được trả vào ngày đáo hạn theo từng khế ước nhận nợ, với khoản vay cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 9 năm 2024. Lãi vay được trả hàng tháng.	5,8%- 7,3%/năm	- Hợp đồng tiền gửi theo hợp đồng cầm cố tài sản; và - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại số 231 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội; tại 261 Vũ Tông Phan, quận Thanh Xuân, Hà Nội và tại số 63, đường Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>161.703.946.449</b>				

# Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 20.2 Nợ thuế tài chính

Công ty hiện đang thuê máy móc, thiết bị theo các hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Đơn vị tính: VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu	Lãi thuê tài chính	
<b>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>					
Từ 1 năm trở xuống	3.261.716.871	355.419.879	2.912.874.019	327.397.027	2.585.476.992
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>					
Trên 1-5 năm	2.911.841.948	280.758.079	2.793.168.632	125.834.267	2.667.334.365
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.173.558.819</b>	<b>636.177.958</b>	<b>5.706.042.651</b>	<b>453.231.294</b>	<b>5.252.811.357</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đây là khoản dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm cho các sản phẩm sẫm lớp được bán ra có thể phát sinh nghĩa vụ sửa chữa, bảo hành và trả lại trong tương lai tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	3.727.540.518	6.017.700.977
Trích quỹ	2.940.063.570	2.774.125.541
Sử dụng quỹ trong kỳ	<u>(1.747.876.000)</u>	<u>(3.649.292.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>4.919.728.088</u>	<u>5.142.534.518</u>

18/01/2024

# Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 23.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	280.657.650.000	3.605	(23.970.000)	99.692.125.955	59.006.897.854	439.332.707.414	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	10.209.720.122	10.209.720.122	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.322.376.624	(8.322.376.624)	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.774.125.541)	(2.774.125.541)	
Trích quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(159.000.000)	(159.000.000)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(22.450.694.400)	(22.450.694.400)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	280.657.650.000	3.605	(23.970.000)	108.014.502.579	35.510.421.411	424.158.607.595	
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	280.657.650.000	3.605	(23.970.000)	108.014.502.579	54.701.336.990	443.349.523.174	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	117.242.053.857	117.242.053.857	
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	8.820.190.710	(8.820.190.710)	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.940.063.570)	(2.940.063.570)	
Trích quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành (*)	-	-	-	-	(156.650.000)	(156.650.000)	
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(16.838.020.800)	(16.838.020.800)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	280.657.650.000	3.605	(23.970.000)	116.834.693.289	143.188.465.767	540.656.842.661	

(\*) Công ty đã thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành và chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Nghị quyết số 43/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 22 tháng 4 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: Cổ phiếu*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	14.093.290	14.093.290	-	14.093.290	14.093.290	-
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	10.104.115	10.104.115	-	10.104.115	10.104.115	-
Các cổ đông khác	3.865.963	3.865.963	-	3.865.963	3.865.963	-
Cổ phiếu quỹ	2.397	2.397	-	2.397	2.397	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>28.065.765</b>	<b>28.065.765</b>	<b>-</b>	<b>28.065.765</b>	<b>28.065.765</b>	<b>-</b>

**23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

*Đơn vị tính: VND*

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Số đầu kỳ	280.657.650.000	280.657.650.000
Số cuối kỳ	280.657.650.000	280.657.650.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b>		
Cổ tức cho năm 2023: 6% mệnh giá	16.838.020.800	-
Cổ tức cho năm 2022: 8% mệnh giá	-	22.450.694.400
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã trả</b>	-	-

**23.4 Cổ phiếu**

*Đơn vị tính: Cổ phiếu*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>28.065.765</b>	<b>28.065.765</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>28.065.765</b>	<b>28.065.765</b>
Cổ phiếu phổ thông	28.065.765	28.065.765
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>2.397</b>	<b>2.397</b>
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>28.063.368</b>	<b>28.063.368</b>
Cổ phiếu phổ thông	28.063.368	28.063.368

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	121.290,89	89.796,19
- Rúp Nga (RUB)	5.800,91	2.067.637,91

**25. DOANH THU**

**25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>517.078.107.937</b>	<b>492.280.945.761</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	426.738.147.440	401.891.355.164
Doanh thu bán hàng hóa	82.130.950.640	79.158.410.890
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.207.178.380	8.493.995.471
Doanh thu bán vật tư	913.648.900	2.611.447.732
Doanh thu khác	88.182.577	125.736.504

**Các khoản giảm trừ doanh thu** **(13.940.785.316)** **(14.961.629.540)**

**Doanh thu thuần** **503.137.322.621** **477.319.316.221**

Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	412.797.362.124	386.929.725.624
Doanh thu bán hàng hóa	82.130.950.640	79.158.410.890
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.207.178.380	8.493.995.471
Doanh thu bán vật tư	913.648.900	2.611.447.732
Doanh thu khác	88.182.577	125.736.504

Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 32)	100.242.857.014	74.800.747.455
Doanh thu đối với bên khác	402.894.465.607	402.518.568.766

**25.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	976.833.849	183.743.093
Lãi chênh lệch tỷ giá	737.359.373	560.834.856
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.714.193.222</b>	<b>744.577.949</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Giá vốn thành phẩm	342.747.659.854	333.997.390.451
Giá vốn hàng hóa	82.611.728.143	72.541.301.418
Giá vốn dịch vụ cung cấp và hoạt động khác	676.115.521	2.139.108.075
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(49.889.120)	(20.682.737)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>425.985.614.398</u></b>	<b><u>408.657.117.207</u></b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lãi tiền vay	7.717.440.420	8.687.032.936
Chiết khấu thanh toán	2.259.286.000	1.857.833.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	308.252.511	107.018.748
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(94.706.339)	(114.449.769)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.190.272.592</u></b>	<b><u>10.537.434.915</u></b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.673.807.185	9.446.380.083
Chi phí nhân công	2.601.085.026	2.398.459.448
Chi phí khấu hao	5.733.450	59.129.820
Chi phí quảng cáo	624.641.556	656.669.051
Chi phí bảo hành sản phẩm	1.368.690.777	1.857.056.023
Chi phí bán hàng khác	904.526.455	980.442.697
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.178.484.449</u></b>	<b><u>15.398.137.122</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	12.219.291.212	10.938.851.919
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.416.081.403	6.108.784.051
Phí, lệ phí ngân hàng	3.056.867.809	2.263.117.354
Chi phí khấu hao và hao mòn	942.777.024	602.425.655
Tiền thuế đất, thuế đất	7.212.201.902	8.177.195.241
Chi phí dự phòng	1.068.795.123	107.090.502
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.602.602.316	3.039.025.567
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>31.518.616.789</u></b>	<b><u>31.236.490.289</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ việc chuyển nhượng quyền thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam (*)	303.837.948.660	-
Các khoản khác	2.165.923.695	1.392.447.651
	<b>306.003.872.355</b>	<b>1.392.447.651</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí chuyển nhượng quyền thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam (*)	143.747.661.057	-
Các khoản khác	33.464.760	11.886.280
	<b>143.781.125.817</b>	<b>11.886.280</b>
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>162.222.746.538</b>	<b>1.380.561.371</b>

(\*) Đây là giá trị chuyển nhượng và chi phí chuyển nhượng quyền thuê lại đất và cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 03, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam căn cứ theo Nghị quyết số 138/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất chấm dứt dự án “Đầu tư nhà máy Cao su Sao Vàng tại Hà Nam” và các hợp đồng chuyển nhượng quyền thuê lại đất với cơ sở hạ tầng và tài sản gắn liền với đất với các bên liên quan.

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nguyên vật liệu	259.485.283.804	232.029.841.805
Chi phí nhân công	58.799.023.033	56.424.864.622
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.044.031.442	5.722.167.097
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.610.885.790	27.641.385.503
Chi phí bằng tiền khác	21.893.292.127	28.147.799.970
Trích lập dự phòng	1.015.136.308	155.699.526
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>375.847.652.504</b>	<b>350.121.758.523</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**31.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	64.959.220.296	3.405.555.886
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>64.959.220.296</b>	<b>3.405.555.886</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>182.201.274.153</b>	<b>13.615.276.008</b>
<b>Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty</b>	<b>36.440.254.831</b>	<b>2.723.055.202</b>
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm):		
Chi phí tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng trả một lần tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam (*)	28.749.532.211	-
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	250.761.668	753.494.792
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không chuyên trách	9.600.000	6.400.000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(490.928.414)	(77.394.108)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>64.959.220.296</b>	<b>3.405.555.886</b>

(\*) Công ty đã tạm loại trừ các chi phí về tiền thuê lại đất và cơ sở hạ tầng trả một lần tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam (Thuyết minh số 29) khi ước tính chi phí thuế TNDN cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024. Công ty đang tiếp tục trao đổi với cơ quan thuế địa phương về tính phù hợp của việc xác định chi phí thuế TNDN từ giao dịch này.

**31.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn (“TĐHS”)	Công ty mẹ
2	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (“TĐHCVN”)	Cổ đông lớn
3	Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoàn Sơn	Công ty liên kết
4	Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn	Công ty liên kết
5	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thương mại Việt Anh	Công ty liên quan đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”)
6	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Hà Nội	Công ty liên quan đến Chủ tịch HĐQT
7	Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoàn Sơn	Công ty trong cùng TĐHS
8	Công ty Cổ phần Tập đoàn bia rượu và giải khát Sao Vàng	Công ty liên quan đến Chủ tịch HĐQT
9	Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Công ty trong cùng TĐHCVN
10	Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	Công ty trong cùng TĐHCVN
11	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Công ty trong cùng TĐHCVN
12	Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghệ Hóa chất	Công ty trong cùng TĐHCVN

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được trình bày tại mục Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	Công ty mẹ	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.932.953.014	74.621.172.455
		Chia cổ tức (*)	8.455.974.000	5.508.920.000
		Trả gốc vay	130.000.000.000	-
		Cần trừ công nợ	7.000.000.000	-
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cổ đông lớn	Chia cổ tức (*)	6.062.469.000	8.083.292.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Công ty trong cùng TĐHCVN	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	250.829.000	179.575.000
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoàn Sơn	Công ty trong cùng TĐHS	Bán hàng hóa	83.524.297.500	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn bia rượu và giải khát Sao Vàng	Công ty trong cùng TĐHS	Mua hàng hóa	52.159.091	-

(\*) Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đang trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 58.853.130 VND liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 58.853.130 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i></b>				
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoàn Sơn	Công ty trong cùng TĐHS	Bán hàng hóa	83.524.297.500	-
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	Công ty trong cùng TĐHCVN	Bán thành phẩm	53.953.130	53.953.130
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Tri	Công ty trong cùng TĐHCVN	Bán thành phẩm	114.480.000	55.274.400
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Hà Nội	Công ty liên quan đến Chủ tịch HĐQT	Thuê mặt bằng	11.000.000	11.000.000
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Công ty trong cùng TĐHCVN	Bán thành phẩm	4.900.000	4.900.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>83.708.630.630</b>	<b>125.127.530</b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16.1)</i></b>				
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghệ Hóa chất	Công ty trong cùng TĐHCVN	Mua nguyên vật liệu	335.972.727	335.972.727
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thương mại Việt Anh	Công ty liên quan đến Chủ tịch HĐQT	Phải trả dịch vụ	324.000.000	324.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>659.972.727</b>	<b>659.972.727</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 16.2)</i></b>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	Công ty mẹ	Tạm ứng mua hàng	38.188.123.341	64.555.712.596
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>38.188.123.341</b>	<b>64.555.712.596</b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)</i></b>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	Công ty mẹ	Phải trả cổ tức	8.455.974.000	-
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cổ đông lớn	Phải trả cổ tức	6.062.469.000	-
Cổ đông khác	Cổ đông khác	Phải trả cổ tức	3.394.595.418	1.075.017.618
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>17.913.038.418</b>	<b>1.075.017.618</b>
<b><i>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 19)</i></b>				
Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàn Sơn	Công ty liên kết	Tiền hỗ trợ di dời	143.500.000.000	143.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>143.500.000.000</b>	<b>143.500.000.000</b>
<b><i>Vay dài hạn (Thuyết minh 20)</i></b>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	Công ty mẹ	Vay dài hạn	-	130.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>-</b>	<b>130.000.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong kỳ:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thù lao	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	20.000.000
Nguyễn Việt Hùng	Thành viên HĐQT	24.000.000	16.000.000
Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	24.000.000	16.000.000
Nguyễn Đình Sơn	Thành viên HĐQT	24.000.000	16.000.000
Lương Xuân Hoàng	Thành viên HĐQT	24.000.000	16.000.000
Nguyễn Trung Hòa	Trưởng BKS	24.000.000	16.000.000
Hoàng Văn Hòa	Thành viên BKS	15.000.000	10.000.000
Vũ Thị Mai Nhung (*)	Thành viên BKS	15.000.000	10.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>180.000.000</b>	<b>120.000.000</b>

(\*) Thù lao của thành viên này chưa được chi trả tại 30 tháng 6 năm 2024.

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc	373.535.600	387.921.274
Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	312.615.600	322.840.970
Nguyễn Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc	291.400.000	292.641.141
Nguyễn Trung Hòa	Trưởng BKS	172.136.199	152.573.466
Hoàng Văn Hòa	Thành viên BKS	140.712.967	127.711.644
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.290.400.366</b>	<b>1.283.688.495</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

**33.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất	Thương mại	Khác	Đơn vị tính: VND
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>				
Doanh thu	413.711.011.024	82.130.950.640	7.295.360.957	503.137.322.621
Kết quả				
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	66.083.792.950	3.772.554.316	7.295.360.957	77.151.708.223
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)				105.049.565.930
Lợi nhuận thuần trước thuế				182.201.274.153
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(64.959.220.296)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				117.242.053.857
Tài sản và công nợ				
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>				
Tài sản bộ phận	304.853.372.659	148.869.879.018	1.295.798.667	455.019.050.344
Tài sản không phân bổ				702.314.836.565
Tổng tài sản				1.157.333.886.909
Công nợ bộ phận	98.061.064.882	141.176.989.839	13.311.902	239.251.366.623
Công nợ không phân bổ				377.425.677.625
Tổng công nợ				616.677.044.248
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định				3.143.053.006
Tài sản cố định hữu hình				-
Tài sản cố định vô hình				5.038.297.992
Khấu hao				5.020.379.019
Hao mòn/phân bổ chi phí trả trước				140.709.281.570
Các chi phí lớn không bằng tiền khác				

(\*) Lợi nhuận không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**33.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất	Thương mại	Khác	Đơn vị tính: VND
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>				
Doanh thu	386.929.725.624	79.518.410.890	11.231.179.707	477.319.316.221
Kết quả	52.953.017.910	6.977.109.472	9.092.071.632	68.662.199.014 (55.046.923.006) 13.615.276.008 (3.405.555.886) 10.209.720.122
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận				3.364.160.909
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)				-
Lợi nhuận thuần trước thuế				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Chi phí hình thành tài sản cố định				-
Tài sản cố định hữu hình				-
Tài sản cố định vô hình				-
Các chi phí lớn không bằng tiền khác				-
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>				
Tài sản và công nợ	300.471.772.809	288.206.014.755	1.950.805.533	590.628.593.097
Tài sản bộ phận	-	-	-	756.211.065.927
Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.346.839.659.024
Tổng tài sản	80.336.389.524	86.610.064.894	13.898.338	166.960.352.756
Công nợ bộ phận	-	-	-	736.529.783.094
Công nợ không phân bổ	-	-	-	903.490.135.850
Tổng công nợ				11.656.982.364
Các thông tin bộ phận khác				17.895.707.233
Khấu hao				
Hao mòn/phân bổ chi phí trả trước				

(\*) Chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**33.1 Bộ phận theo khu vực địa lý**

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Xuất khẩu	Trong nước	Đơn vị tính: VND
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày</b>			
Doanh thu			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	161.831.369.422	341.305.953.199	503.137.322.621
Các thông tin bộ phận khác			
Tài sản bộ phận	129.042.212.060	126.071.633.788	255.113.845.848
Tài sản không phân bổ			902.220.041.061
Chỉ phí hình thành tài sản cố định			3.143.053.006
Tài sản cố định hữu hình			-
Tài sản cố định vô hình			-
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>			
Doanh thu			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	82.809.454.820	394.509.861.401	477.319.316.221
Chi phí hình thành tài sản cố định			
Tài sản cố định hữu hình			3.364.160.909
Tài sản cố định vô hình			-
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>			
Các thông tin bộ phận khác			
Tài sản bộ phận	36.000.539.422	331.868.563.864	367.869.103.286
Tài sản không phân bổ			978.970.555.738

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	117.242.053.857	10.209.720.122
Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành, quản lý trích lập trong kỳ (*)	-	(1.075.370.586)
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty</b>	<b>117.242.053.857</b>	<b>9.134.349.536</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.063.368	28.063.368
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>28.063.368</b>	<b>28.063.368</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- Lãi cơ bản	4.178	325
- Lãi suy giảm	4.178	325

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành, quản lý từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết số 43/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2024 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào khác xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê đất, văn phòng, cửa hàng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Dưới 1 năm	19.949.072.806	23.518.383.538
Từ trên 1 năm đến dưới 5 năm	79.796.291.224	94.073.534.152
Trên 5 năm	502.472.629.047	603.831.938.309
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>602.217.993.077</b>	<b>721.423.855.999</b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Công ty hiện đang cho thuê kho, mặt bằng, văn phòng, kios theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Dưới 1 năm	7.444.894.566	5.696.258.208
Từ trên 1 năm đến dưới 5 năm	3.417.237.270	3.433.530.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.862.131.836</b>	<b>9.129.788.208</b>

**36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

 _____ Trần Ngân Hà Người lập	 _____ Trần Minh Tuấn Kế toán trưởng	 _____ Nguyễn Việt Hùng Tổng Giám đốc
---	--	--

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

## **EY | Building a better working world**

**EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.**

**Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.**

**Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.**

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn) | [ey.com/vi\\_vn](https://ey.com/vi_vn)